

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HSST

Ngày: 27-7- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chuyên.

2. Ông Nguyễn Tùng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2022/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST- HS ngày 08/7/2022 đối với:

1. Bị cáo **Nguyễn Văn D**, sinh ngày 02/8/1994 tại xã Minh Quang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức D và bà Nguyễn Thị N; Chưa có: vợ, con; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt;

2. Bị hại:

- Anh Trần Công C, sinh năm 1972, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Nơi cư trú: N, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Mai Huy H, sinh năm 1997, vắng mặt

Nơi cư trú: thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

4. Người làm chứng:

Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1974, vắng mặt

Anh Trần Văn B, sinh năm 1980, vắng mặt

Nơi cư trú: thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1983, vắng mặt

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Anh Lại Văn N, sinh năm 1986, vắng mặt

Nơi cư trú: thôn N, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 28/3/2022, bị cáo D đi bộ một mình từ nhà đến nhà anh C để ăn cơm. Bị cáo D ngồi ăn cơm và uống rượu cùng anh C và anh T. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn cơm xong, anh C vào nhà đi ngủ, bị cáo D và anh T đi bộ về nhà anh T ở gần đó. Khoảng 15 phút sau, bị cáo D đi bộ từ nhà anh T đến nhà anh C để hút thuốc Lào, đến nơi bị cáo thấy anh C đang nằm ngủ trên giường, điện trong nhà bật sáng, cửa nhà không khóa, ngoài sân có để 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh - đen - bạc, biển kiểm soát 17B7-301.57, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện. Quan sát không có ai, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của anh C để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Bị cáo D ngồi lên xe mô tô, mở khóa điện, điều khiển xe đi từ sân ra ngoài cổng nhà anh Ch thì gặp anh B đang đi kích cá. Anh B hỏi bị cáo D: “Mày đi đâu thế”, bị cáo trả lời: “Em đi ra ngoài quán mua bộ bài” rồi điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến cánh đồng gần ngã tư thôn Trà Đông, xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, bị cáo tháo 02 gương chiếu hậu của xe mô tô ném xuống ruộng rồi điều khiển xe mô tô đến quán karaoke Biên Thủy ở thôn Đoài, xã Hòa Bình huyện Kiến Xương do chị V làm chủ. Gặp chị V, bị cáo nói: “Em muốn cầm chiếc xe này, chị biết chỗ nào không chỉ em với”, chị V trả lời: “Xe của ai”, bị cáo nói: “Xe này là của em, em cần tiền nên muốn cầm”, chị V nói: “Để chị xem”. Chị V gọi điện thoại cho anh H đến để xem xe. Trong lúc chờ anh H đến, bị cáo dùng tay giật biển kiểm soát của xe mô tô vừa trộm cắp được rồi để ở sân nhà chị V, chị V sợ có người đi qua đi lại lấy nên cầm biển kiểm soát của xe để vào quầy lễ tân của quán. Khi gặp anh H chị V nói: “Đưa em này muốn mượn tiền, nhà nó ở gần nhà chồng chị, em xem giúp được thì giúp nó” rồi chị V đi bưng bê đồ cho khách. Anh H hỏi bị cáo D: “Anh muốn mượn tiền à, có gì để lại không”, bị cáo trả lời: “Em để lại cái xe”, anh H hỏi tiếp: “Giấy tờ xe đâu”, bị cáo trả lời: “Giấy tờ xe vợ em cầm”, anh H nói: “Vậy thì tôi không giúp được”. Chị V đi ra nghe thấy anh H nói vậy nên nói với anh H: “Em xem giúp nó được thì giúp, nhà cửa bố mẹ nó chị biết”. Anh H đồng ý cho bị cáo vay tiền rồi đi ra xem xe. Khi nhìn xe anh H hỏi bị

cáo: “Biển số xe đâu”, bị cáo trả lời: “Em đi đêm nên tháo biển số ra để ở nhà”, anh H nói: “Anh muốn mượn bao nhiêu”, bị cáo đáp: “khoảng 5 triệu”, anh H trả lời: “Tôi chỉ có ba triệu rưỡi thôi”, bị cáo đồng ý. Anh H cho bị cáo D vay 3,5 triệu đồng và hẹn bị cáo ba đến bảy ngày sau phải trả tiền anh H. Sau đó anh H điều khiển xe mô tô trên đi về phòng trọ của mình ở thôn Đông Lâu, xã Bình Nguyên, huyện Kiến Xương, bị cáo đi về nhà và đã chi tiêu cá nhân hết số tiền 3.500.000đồng.

Kết luận định giá tài sản số 08/KL - HĐĐG ngày 01/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Kiến Xương kết luận: Tại thời điểm ngày 29/3/2022, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh -đen -bạc, biển kiểm soát 17B7- 301.57, số khung : 3902HY373317, số máy: JA39E0373422, đăng ký năm 2017 có giá trị 12.500.000 đồng.

Kết luận giám định số 39/KL-PC ngày 10/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: xe mô tô, dán nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu xanh đen bạc, không có biển kiểm soát. Hàng chữ, chữ số RLHJA 3902HY373317 đóng dưới cốp xe không bị tẩy xóa, sửa chữa, đục lại. Hàng chữ, chữ số JA 39E-0373422 đóng trên thân máy không bị tẩy xóa, sửa chữa, đục lại.

Vật chứng của vụ án:

- Ngày 24/5/2022, Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương đã trả lại cho anh Trần Công C 01 Honda Wave màu xanh- đen -bạc, biển kiểm soát 17B7-301.57.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh C đã nhận lại xe mô tô của mình bị mất, tự khắc phục 02 gương chiếu hậu của xe, bị cáo D đã trả anh Hào số tiền 3.500.000đồng, anh C và anh H đều không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự.

- Tại bản Cáo trạng số 42/CT -VKSKX ngày 15/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo D mức án tù 09 đến 12 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo D.

Đối với anh Hào là người cho bị cáo D vay số tiền 3.500.000đồng và nhận cầm cố xe mô tô bị cáo trộm cắp được. Anh H không hứa hẹn trước với bị cáo, không biết nguồn gốc xe máy do bị cáo trộm cắp được mà có, không được hưởng lợi gì từ việc cho vay nên không cấu thành tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do

người khác phạm tội mà có”. Anh H không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền có cầm cố tài sản, Chủ tịch UBND huyện Kiến Xương đã xử lý hành chính đối với anh H là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với chị V là người gọi điện thoại cho anh H đến cho bị cáo D vay tiền. Chị V không biết nguồn gốc xe của bị cáo D, không được hưởng lợi từ việc anh H cho bị cáo D vay tiền nên không có căn cứ để xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: anh C đã nhận lại tài sản, bị cáo D đã hoàn trả anh H số tiền vay là 3.500.000đồng, anh H và anh C không yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương đã trả lại chiếc xe mô tô cho anh C.

Tại phiên tòa bị cáo D không tranh luận gì và không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với đơn trình báo và lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, kết luận định giá tài sản số 08/KL - HĐĐG ngày 01/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kiến Xương cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Vì vậy có đủ căn cứ xác định: Khoảng 21 giờ ngày 28/3/2020, bị cáo Nguyễn Văn D đã lợi dụng sơ hở, trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 17B7- 301.57 trị giá 12.500.000 đồng của anh Trần Công C.

Hội đồng xét xử kết luận: bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các Duy hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vì lười lao động mà vẫn muốn có tiền tiêu xài nên đã lợi dụng sơ hở khi anh C đang ngủ để trộm cắp tài sản. Đồng thời khi bị cáo điều khiển xe máy trộm cắp ra đến cổng nhà anh C đã gặp anh B nhưng bị cáo vẫn nói dối anh B để tiếp tục điều khiển xe máy đi chứng tỏ bị cáo đã cố ý trộm cắp tài sản đến cùng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Vì vậy cần phải xử phạt mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo, phòng ngừa và răn đe tội phạm nói chung.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy:

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xét đến trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng - là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng

Xét thấy, Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương đã trả lại tài sản cho anh Ch và anh C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, bị cáo đã trả anh H số tiền vay là 3.500.000đồng, anh H không yêu cầu gì khác nên Tòa án không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo với bị hại và người có quyền lợi liên quan.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. **Tuyên bố** bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án;

3. **Án phí:** Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/7/2022; bị hại và người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- VKSND, CA huyện KX;
- Trại tạm giam - CATB;
- Chi cục THA h. Kiến Xương
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Xuân

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Xuân

- *Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Nguyễn Đức Bường - Phó giám đốc Trung tâm văn hóa huyện Kiến Xương.

+ Bà Đoàn Thị Duyên - Thường trực Hội luật gia huyện Kiến Xương.

Căn cứ vào Điều 199 và 222 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vào hồi 10 giờ 40 phút ngày 12 tháng 5 năm 2017, tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: Lương Văn Đạt bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình truy tố về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố: Lương Văn Đạt phạm tội "Trộm cắp tài sản".
- Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.
- Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về mức hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lương Văn Đạt 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ bắt đi thi hành án.

- Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về các vấn đề khác:

4.1 - Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Đạt 460.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

4.2- Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Lương Văn Đạt phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4.3 - Về quyền kháng cáo: bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

4.5 - Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản lập xong. Hội đồng xét xử đã thống nhất thông qua và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

